

DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

GS, TS HOÀNG CHÍ BẢO

Chuyên gia cao cấp, nguyên Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương

Tóm tắt: Là một bước tiến của dân chủ, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là nấc thang tiếp theo, cao hơn nền dân chủ tư sản; kết quả của tiến trình đấu tranh giải phóng, thực hiện khát vọng tự do và làm chủ của con người theo các quy luật khách quan và có nguyên nhân sâu xa từ sự phát triển của lực lượng sản xuất. Dân chủ xã hội chủ nghĩa cùng nhà nước chuyên chính vô sản được hình thành từ sau Cách mạng tháng Mười Nga (năm 1917), đến nay mới chỉ hơn 100 năm, mà phần lớn các nước xã hội chủ nghĩa đều không trải qua và đều bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, quá độ lên chủ nghĩa xã hội nên việc xây dựng chủ nghĩa xã hội và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa chẳng những phải hết sức lâu dài mà còn phải vượt qua không ít khó khăn, phức tạp..., và ở nước ta cũng vậy. Bài viết luận giải những nội dung chủ yếu của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và quá trình vận dụng, bổ sung và phát triển lý luận về dân chủ trong thực thi dân chủ ở Việt Nam, nhất là trong giai đoạn đổi mới từ 1986 đến nay.

Từ khóa: Dân chủ; Dân chủ xã hội chủ nghĩa; Thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa.

1. Khái luận về dân chủ

Mỗi bước tiến của xã hội đều gắn liền với mỗi bước tiến của dân chủ, đặc biệt dân chủ trong kinh tế và chính trị. Sự hình thành và phát triển dân chủ diễn ra theo những quy luật khách quan mà sâu xa là từ sự phát triển của lực lượng sản xuất xã hội.

Từ khi xã hội loài người phân chia thành giai cấp, xuất hiện nhà nước thì dân chủ gắn chặt với thể chế và các thiết chế bộ máy thực thi quyền lực nhằm thực hiện và bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị. Dân chủ trong chính trị và tính giai cấp của dân chủ là đặc trưng nổi bật trong các chế độ xã hội có giai cấp và nhà nước, kể cả trong chế độ xã hội chủ nghĩa (XHCN).

Trong tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức* (năm 1846), bàn về lý luận con người và nhân cách, C.Mác và Ph.Ăngghen nêu lên nhiều luận điểm quan trọng, thâm nhuần quan điểm duy vật và biện chứng về lịch sử:

Từ khi xuất hiện giai cấp và nhà nước, các mâu thuẫn, xung đột và đối kháng giai cấp trong tiến trình lịch sử các cuộc đấu tranh giai cấp dẫn tới các cuộc cách mạng xã hội để thay đổi chế độ xã hội, chuyển xã hội từ hình thái kinh tế - xã hội này sang hình thái kinh tế - xã hội khác cao hơn, đều là những mâu thuẫn về lợi ích, nhất là lợi ích kinh tế, đều là những xung đột về quyền lực, trước hết và trực tiếp là quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước.

Sự biến đổi và phát triển lực lượng sản xuất trong xã hội bao giờ cũng bắt đầu từ sự biến đổi của công cụ sản xuất, của phân công lao động trong xã hội. Tính chất xã hội của lực lượng sản xuất không ngừng tăng lên sẽ mâu thuẫn với các hình thức của quan hệ sản xuất mà nổi bật là quan hệ sở hữu. Sự thay đổi quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất cũng như các yếu tố khác cấu thành quan hệ sản xuất như quan hệ tổ chức, quản lý sản xuất, quan hệ phân phối lợi ích đều do lực lượng sản xuất quy định. Cả trong lực lượng sản xuất lẫn quan hệ sản xuất đều có *nhân tố con người* tham dự vào.

Quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất là quy luật tổng quát, phổ biến của mọi thời đại lịch sử. Đây cũng là quy luật chi phối, dẫn dắt tiến trình xuất hiện, biến đổi và phát triển của dân chủ, của các chế độ dân chủ, các thể chế và thiết chế dân chủ trong các chế độ xã hội và nhà nước trong lịch sử. Cùng với quy luật nền tảng đó, quy luật về mối quan hệ giữa hạ tầng cơ sở và kiến trúc thượng tầng trong học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của C.Mác chi phối *nội dung* của dân chủ. Đời sống xã hội có bao nhiêu lĩnh vực thì cũng có bấy nhiêu lĩnh vực tương thích của nội dung dân chủ cũng như các hình thức biểu hiện của nó.

Vậy là, trong cấu trúc tổng thể của xã hội - ở đây là xã hội đã tổ chức thành nhà nước - có dân chủ kinh tế, dân chủ chính trị, dân chủ trong lĩnh vực văn hóa, tư tưởng - tức là dân chủ trong đời sống tinh thần, *dân chủ trong lĩnh vực xã hội và quản lý xã hội* (quan hệ xã hội, cơ cấu xã hội, chính sách xã hội...) - một phân hệ trong hệ thống - cấu trúc của xã hội tổng thể¹.

Dân chủ còn là nguyên tắc và chuẩn mực trong việc giải quyết các quan hệ dân tộc, tôn giáo, nhất là trong các quốc gia có kết cấu đa dân tộc - tộc người và đa tôn giáo. Dân chủ cũng đồng thời thể hiện trong các quan hệ quốc tế, trong ứng xử giữa các nhà nước, các chính phủ trong quan hệ bang giao, trong đàm phán thương lượng, dựa trên sự tôn trọng độc lập chủ quyền và lợi ích của các bên, dựa trên các chuẩn mực luật pháp quốc

tế, đối nội cũng như đối ngoại. Dân chủ còn là *điều kiện* của đoàn kết, hợp tác và tăng cường sự đồng thuận. Tự do và dân chủ, công bằng và bình đẳng gắn liền với nhau. Những khái niệm này không chỉ mang tính chính trị - pháp lý, được thể chế hóa và chế định trong Hiến pháp và trong các đạo luật của hệ thống luật pháp của từng nhà nước mà còn mang ý nghĩa đạo đức và văn hóa. Chuỗi khái niệm này cũng đồng thời là chuỗi giá trị biểu đạt và đo lường trình độ văn hóa, văn minh trong phát triển.

Tiếp cận dân chủ từ nội dung toàn diện và lịch sử của nó như đã nêu trên cho thấy, xây dựng nền dân chủ, *đặc biệt là nền dân chủ XHCN*, đòi hỏi sự công phu và cần phải trải qua thời gian lâu dài trong lịch sử như thế nào.

Kể từ khi giai cấp tư sản làm cách mạng tư sản, tấn công vào trật tự phong kiến cổ truyền mở đường cho phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển và đạt đến trình độ chủ nghĩa tư bản hiện đại như ngày nay, lịch sử chủ nghĩa tư bản cũng đồng thời là lịch sử nền dân chủ tư sản đã trải qua năm, sáu trăm năm, tính từ thời đại Phục hưng và thế kỷ Khai sáng ở châu Âu, từ thế kỷ XV - XVI, XVII - XVIII đến thế kỷ XXI.

Chủ nghĩa xã hội (CNXH) hiện thực và nền dân chủ XHCN (dân chủ vô sản) từ Cách mạng tháng Mười Nga, năm 1917 đến nay mới chỉ hơn 100 năm, mà phần lớn các nước XHCN đều không trải qua chủ nghĩa tư bản, đều bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, quá độ tới CNXH. Không trải qua chủ nghĩa tư bản và nền dân chủ tư sản, việc xây dựng CNXH và nền dân chủ XHCN chẳng những phải hết sức lâu dài mà còn phải vượt qua không ít khó khăn, phức tạp, nhất là xây dựng nhà nước pháp quyền và sự thành thực trong quản lý bằng pháp luật, gây dựng “tập quán pháp” trong đời sống xã hội và thực hành lối sống *trọng pháp* của người dân.

Bởi vậy, tiến hành cuộc vận động lâu dài về “*dân chủ hóa toàn diện các lĩnh vực đời sống*” để từng bước xây dựng nền dân chủ XHCN là một tất yếu đối với Việt Nam. Đòi hỏi ấy đã được đáp ứng bởi công cuộc *đổi*

mới từ giữa thập kỷ 80 thế kỷ XX, đến nay đã đi được một chặng đường hơn 30 năm và chắc chắn sẽ còn rất lâu dài.

Còn có thể tiếp cận dân chủ từ thể chế luật pháp và thiết chế nhà nước trong mối liên hệ với trình độ phát triển kinh tế, văn hóa và môi trường xã hội. Những nhân tố này tác động tới *phương thức thực hiện dân chủ*. Lịch sử vận động của các nền dân chủ cho thấy, hai phương thức cơ bản để thực hiện dân chủ tồn tại phổ biến cho đến nay là *dân chủ đại diện* qua bầu cử và *dân chủ trực tiếp* bằng quyền tham gia trực tiếp, quyết định trực tiếp của người dân. Dân chủ đại diện qua bầu cử là sự vận hành của dân chủ chính trị với hoạt động tham chính của người dân, của các công dân với tư cách là con người chính trị. Dân chủ đại diện qua bầu cử thể hiện sự ủy quyền của người dân cho nhà nước, sự ủy quyền của các thành viên trong các tổ chức chính trị - xã hội cho các tổ chức, đoàn thể được lập ra để thực hiện ý chí và lợi ích của người dân.

Theo đó, *chế độ dân chủ là chế độ ủy quyền* và bầu cử để lựa chọn những đại biểu được ủy quyền. Phương thức dân chủ trực tiếp mà người dân thực hiện có thể xem như hoạt động tham chính trực tiếp của người dân, dân trực tiếp quyết định những vấn đề có liên quan tới cuộc sống của mình, tới hoạt động và phát triển của cộng đồng. Một nền dân chủ đã phát triển với sự định hình rõ ràng, thuần thực của luật pháp, của thể chế, cơ chế, các quy tắc được thừa nhận và áp dụng, với thông tin minh bạch và trình độ ý thức cá nhân, sự am hiểu luật pháp của các công dân... thì dân chủ đại diện qua bầu cử mới thực chất và dân chủ trực tiếp mới có điều kiện thực hiện rộng rãi. Luật trung cầu ý dân và thực hiện Luật trung cầu ý dân để tiếng nói của người dân được tôn trọng, ý chí, nguyện vọng của người dân về những quyết định quan trọng liên quan đến sự phát triển của đất nước và cuộc sống của người dân phải được *chính quyền* và *chính giới* cân nhắc, tuân thủ, tuân theo ý chí của nhân dân. Đó là hiệu lực và sức mạnh của dân chủ. Đó là *dân chủ trong thể chế nhà nước pháp quyền*.

Trong lịch sử lập hiến của nước ta, bản Hiến pháp đầu tiên năm 1946 với dấu ấn nổi bật tư tưởng dân chủ pháp quyền nhân nghĩa của Hồ Chí Minh đã thể hiện một quan điểm đặc sắc, “mọi vấn đề trọng đại của quốc gia phải đưa ra cho toàn dân phúc quyết”. Tư tưởng của V.I.Lênin về quyền tự quyết của các dân tộc trong việc lựa chọn con đường phát triển của mình cũng như tư tưởng của Hồ Chí Minh về vai trò của người dân trong “phúc quyết các vấn đề trọng đại của đất nước” đều thấm nhuần sâu sắc giá trị dân chủ, gắn chặt chủ quyền của quốc gia - dân tộc với nhân quyền và dân quyền.

Do đó, con người và dân tộc của họ phải có tự do chính trị, đất nước phải có độc lập chủ quyền *như một điều kiện tiên quyết* để có dân chủ. Cách mạng dân tộc dân chủ của Việt Nam mang tư tưởng *giải phóng*, xóa bỏ ách thống trị áp bức của đế quốc thực dân, xóa bỏ những tàn tích phong kiến chuyên chế, giành lấy độc lập, tiến tới tự do để mưu cầu hạnh phúc cho toàn dân, cho tất cả mọi người là vì vậy. Đây là một tư tưởng lớn trong di sản tư tưởng dân chủ của Hồ Chí Minh. Trong di sản tư tưởng của Người, đặc biệt là di sản tư tưởng dân chủ, Hồ Chí Minh đặt vấn đề tự do dân chủ trong hệ thống giá trị cốt lõi của phát triển: *Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*. Nước có độc lập thì dân chúng mới có tự do dân chủ, mới thực sự là *chủ* để thực sự *làm chủ* và tự mình xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Khi chúng ta khẳng định *chủ quyền cao hơn nhân quyền và dân quyền* là xuất phát từ thực tiễn lịch sử đó trong tiến trình cách mạng giải phóng dân tộc để phát triển dân tộc, từ độc lập dân tộc, thực hiện dân chủ và tiến tới CNXH. Chính Hồ Chí Minh, nhờ giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin, tiếp thu ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 và dưới ánh sáng của thời đại mới do cuộc cách mạng vĩ đại đó sinh thành - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên CNXH mà Người đã nhìn thấu suốt con đường phát triển của cách mạng Việt Nam: *Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, làm cách mạng dân tộc dân chủ thắng lợi, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa để tiến tới CNXH*. Phát

kiến ra quy luật phát triển này của Việt Nam trong thời đại mới - đó là một trong những cống hiến xuất sắc của nhà tư tưởng Mácxít sáng tạo Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam, góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của cách mạng thế giới.

Hồ Chí Minh không chỉ là *nhà thiết kế lý luận dân chủ* trên lập trường quan điểm Mácxít sáng tạo mà còn là *nhà thực hành dân chủ* mẫu mực, nhất quán. Thực hành dân chủ là một trong những thực hành lớn, nổi bật trong suốt cuộc đời của Người². Trước hết, tư tưởng dân chủ của Người giúp ta nhận ra *phương thức tiếp cận phức hợp, tổng hợp của Người về dân chủ*. Người chú trọng xem xét *quan hệ* giữa dân chủ với tự do, công bằng và bình đẳng. Người chú trọng đặc biệt tới *lợi ích* và *quyền lực* của chủ thể dân chủ đó là người dân, là nhân dân, quần chúng, đồng bào, rộng nữa là nhân loại. Chính ở đây, tính hiện thực, thực tiễn của dân chủ hiện ra một cách xác thực, thiết thực, cụ thể. “Nước ta là một nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân... quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”³.

Người còn nhấn mạnh, dân chỉ biết đến dân chủ và tự do khi được ăn no mặc ấm. Nước giành được độc lập tự do mà người dân vẫn đói rét, đau ốm, cực khổ, dốt nát... thì độc lập tự do cũng chẳng để làm gì. Do đó, Người chủ trương hành động thiết thực: “Chúng ta phải thực hiện ngay:

1. Làm cho dân có ăn
2. Làm cho dân có mặc
3. Làm cho dân có chỗ ở
4. Làm cho dân có học hành

cái mục đích chúng ta đi đến là bốn điều đó. Đi đến để dân nước ta xứng đáng với tự do độc lập và góp sức cho được tự do độc lập”⁴.

Hồ Chí Minh gắn liền xây dựng nền dân chủ, chế độ dân chủ với xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân theo mô hình *chính thể* cộng hòa dân chủ, với *thể chế* pháp quyền, coi trọng luật pháp và đề cao vai trò luật pháp trong quản lý, dùng luật pháp để bảo vệ các quyền cơ bản của dân, bằng cách “trùng trị theo luật pháp tất cả những kẻ bất

liêm, bất kể chúng là ai”. Pháp quyền Hồ Chí Minh vì thế là pháp quyền nhân nghĩa và dân chủ theo tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện tính *pháp lý* và *nhân văn* sâu sắc. Đó là đặc tính cơ bản của dân chủ, chỉ như vậy, dân chủ mới thực sự là *giá trị* mà dân phải sở hữu, dân là chủ thể gốc của mọi quyền lực, làm chủ nhà nước của mình. Hồ Chí Minh định nghĩa dân chủ ngắn gọn nhất mà cũng thực chất nhất, “dân chủ có nghĩa là dân là chủ và dân làm chủ”.

Ở tầm một định nghĩa kinh điển, Hồ Chí Minh đã dường như làm *một cuộc cải biến cách mạng, đem lại một nhận thức hoàn toàn mới về dân chủ*, khẳng định vai trò chủ thể dân chủ là dân. Người phủ định quan niệm dân chủ của ý thức hệ phong kiến, coi vua là chủ của dân, dân ở thế bị động, phụ thuộc, lệ thuộc vào các đẳng bệ trên, ban phát ơn huệ cho dân - những “thần dân”, “thứ dân”, “thảo dân”, “lê dân” của vua chúa, quyền hành tập trung duy nhất vào một người, “thiên tử”, “thế thiên hành đạo”.

Hồ Chí Minh thường xuyên quan tâm tới *tính điều kiện* của dân chủ, trong đó, Đảng và Nhà nước phải thật trong sạch, tẩy bỏ được quan liêu, tham nhũng, *nhất là tham nhũng*. Mọi cán bộ đảng viên, công chức phải thực sự là đầy tớ trung thành, công bộc tận tụy của dân. Từ tổ chức bộ máy, luật pháp, chính sách đến con người trong các bộ máy công quyền phải có dân tham gia xây dựng, phải đặt dưới sự giám sát, kiểm soát của dân. Người nói: “nếu Chính phủ sai thì dân có quyền phê bình”, “nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ”⁵. Những kiến giải đó của Hồ Chí Minh cho thấy, để dân chủ là thực chất chứ không hình thức thì dân chúng phải thực sự có quyền, thực sự làm chủ, đã dân chủ thì đồng thời phải *trọng dân* gắn liền với *trọng pháp*. Công chức nhà nước trong quan hệ với công dân phải dân chủ chứ không phải “quan” chủ, là đầy tớ, công bộc của dân chứ không lên mặt “quan” cách mạng. Tiếp cận phức hợp, tổng hợp về dân chủ như vậy nên Hồ Chí Minh qua tư tưởng và hành động thực hành dân chủ của Người đã đem lại cho chúng ta một thu hoạch lớn có ý nghĩa lý luận và thực tiễn,

đó là: *chăm lo dân sinh, nâng cao dân trí, tôn trọng nhân quyền và dân quyền để thực hiện và phát huy dân chủ.*

Từ quan điểm thực tiễn và chú trọng thực hành, Hồ Chí Minh đã làm sáng tỏ con đường đi tới dân chủ mà C.Mác và các bậc thầy kinh điển của chủ nghĩa Mác đã từng nêu ra: *từ chủ nghĩa nhân văn qua chủ nghĩa duy lý để đi tới dân chủ.* Chủ nghĩa nhân văn đòi hỏi phải tôn trọng giá trị con người. Chủ nghĩa duy lý đòi hỏi phải đề cao trí tuệ, lý trí và chân lý khoa học.

Chủ nghĩa dân chủ, chế độ dân chủ và xây dựng nền dân chủ đòi hỏi phải đề cao pháp luật, xây dựng nhà nước pháp quyền, coi pháp luật là tối thượng với tinh thần “thượng tôn pháp luật”. Mọi người, mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật. Luật pháp bảo vệ công lý, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của công dân. Luật cơ bản của nhà nước phải thể chế hóa và hiện định các quyền của công dân, kê cả quyền tham chính (tham gia hoạt động chính trị - xã hội). Quyền lực và nhất là việc thực thi quyền lực *do dân ủy quyền* của các quan chức, công chức phải được giám sát, kiểm soát để không bị tha hóa.

Trong các mối quan hệ tạo nên dân chủ, *có tương quan* biện chứng giữa dân chủ với nhân quyền và dân quyền, giữa dân chủ với pháp luật thông qua thiết chế nhà nước, trong lịch sử các xã hội có giai cấp và nhà nước. Dân chủ không chỉ mang tính *giai cấp* mà còn có tính *dân tộc* và *nhân loại*. Dân chủ mang đặc tính nhân văn và pháp lý. Nhà nước là hình thái tổ chức quyền lực để dân chủ được thực hiện. Song không phải bất cứ nhà nước nào cũng đều là nhà nước dân chủ, càng không phải bất cứ một chế độ dân chủ nào cũng thực hiện được dân chủ cho đa số nhân dân. Tiến bộ xã hội, tiến bộ của các nền dân chủ không diễn ra theo con đường thẳng tắp mà thường đi qua những rích rắc với biết bao biến cố thăng trầm. Hàng nghìn năm về trước, chế độ chiếm hữu nô lệ ra đời, bắt đầu một nền dân chủ nhưng chỉ là *dân chủ* của chủ nô, cho chủ nô, còn đa số người dân chỉ là nô lệ. Thân phận con người chỉ như “một động vật biết nói”, “một công cụ biết nói” để phân biệt với động vật, “một công cụ biết

kêu” và với đồ vật, “một công cụ câm” mà thôi. Đến chế độ phong kiến tuy là một bước tiến so với chế độ nô lệ, song trong xã hội phong kiến chuyên chế, vua chúa, quý tộc, địa chủ mới là những đẳng cấp sở hữu, chiếm hữu dân chủ chứ không phải các thân dân chịu ơn mưa móc của triều đình. Chế độ phong kiến - xét về bản chất - có thể nói là chế độ ít hàm lượng dân chủ nhất.

Phải đến chế độ tư bản chủ nghĩa trở đi với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã ra đời, giai cấp tư sản trở thành giai cấp thống trị, tự do cá nhân và chủ nghĩa cá nhân tư sản được giai cấp tư sản đề cao vì lợi quyền của nó, với các thể chế, thiết chế được tổ chức một cách quy củ, hiện đại thì từ đây một nền dân chủ hiện đại mới ra đời. Trong lịch sử hình thành và phát triển của dân chủ, chỉ có dân chủ tư sản và dân chủ XHCN mới là những nền dân chủ hiện đại và theo xu thế phát triển của lịch sử, dân chủ XHCN sẽ *phủ định biện chứng* dân chủ tư sản để thực sự đem lại dân chủ cho số đông, nhân dân lao động được cách mạng giải phóng khỏi ách bóc lột, áp bức và thống trị của chủ nghĩa tư bản, khẳng định mình là chủ và làm chủ xã hội.

Lẽ dĩ nhiên, để dân chủ XHCN ra đời, định hình, phát triển và hoàn thiện sẽ phải trải qua một quá trình lịch sử lâu dài, vừa cải tạo xã hội cũ vừa xây dựng xã hội mới trên cơ sở kinh tế và văn hóa phát triển cao, trình độ quản lý xã hội ngày một thành thực, con người cũng tự gột rửa khỏi mình những tàn dư lạc hậu, lỗi thời của quá khứ vốn bám rễ dai dẳng và ảnh hưởng tiêu cực vào cả ý thức, tâm lý, lối sống, thói quen của quần chúng, để xây dựng ý thức dân chủ, thực hành năng lực dân chủ, làm cho dân chủ trở thành *một nhu cầu văn hóa*, phát triển thành *văn hóa dân chủ*.

Các nước quá độ lên CNXH, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, cũng đồng thời không trải qua dân chủ tư sản, nên việc xây dựng nền dân chủ XHCN càng lâu dài *về mặt thời gian*, càng phức tạp và khó khăn để đạt tới *sự trưởng thành dân chủ*, *về mặt trình độ phát triển văn hóa và văn minh*.

Thực tiễn phát triển xã hội cho thấy, để đạt tới thành quả dân chủ, hiện thực dân chủ, nhất là dân chủ XNCN thì phải trải qua những công cuộc cải biến cách mạng vĩ đại, xóa bỏ trật tự hiện tồn tư bản chủ nghĩa và mọi tàn tích đã trở nên “trái mùa của lịch sử”; xây dựng từng bước nền dân chủ XHCN có sự phát triển mới về chất so với dân chủ tư sản trên tất cả mọi lĩnh vực từ kinh tế đến chính trị và văn hóa, trong đó, nhất thiết phải có *nhà nước pháp quyền hiện đại xã hội chủ nghĩa*; thể chế luật pháp, thiết chế bộ máy, môi trường xã hội và đội ngũ công chức chuyên nghiệp “thao chính trị, giỏi chuyên môn, tinh thông nghiệp vụ, tận tụy mẫn cán, là đầy tớ, công bộc của dân” như Hồ Chí Minh xác định. Người cũng nêu rõ yêu cầu trách nhiệm của người dân, dân đã có *quyền* làm chủ thì dân cũng tự giác thực hiện *nghĩa vụ* của người chủ nước nhà.

Do không trải qua nền dân chủ tư sản, do bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tiến lên CNXH nên xây dựng ý thức dân chủ và rèn luyện năng lực dân chủ để thực hành dân chủ trong các mối quan hệ xã hội, chúng ta gặp không ít khó khăn, vấp phải không ít những lực cản trên con đường tiến tới một nền dân chủ chẳng những hiện đại mà còn vượt lên dân chủ tư sản.

Đòi hỏi của dân chủ là phải gắn liền quyền với nghĩa vụ, lợi ích với trách nhiệm, cá nhân với cộng đồng, nhà nước với pháp luật. Tách rời những yếu tố, bộ phận đó, chẳng những sẽ không có dân chủ mà còn rơi vào những “phản dân chủ” ngoài ý muốn, thành ra những biến thể đôi lập, chỉ có quan liêu - chuyên chế - độc tài, tự do vô chính phủ. Không phải ngẫu nhiên mà V.I.Lênin lại phòng ngừa sự biến dạng của “tập trung dân chủ” - một nguyên tắc cốt tử trong chính trị của Đảng và Nhà nước và hệ thống chính trị nói chung. Ông nhấn mạnh, tập trung dân chủ phải làm sao không rơi vào những đối lập cực đoan, hoặc biến thành tập trung quan liêu ở bên trên, hoặc tự do vô chính phủ ở bên dưới. Hồ Chí Minh, trong khi thống nhất về bản chất với quan niệm kinh điển về tập trung dân chủ, Người trong không ít trường hợp, đặc biệt nhấn mạnh “dân chủ tập trung”,

từ thực tiễn Việt Nam. Theo Hồ Chí Minh, dân chủ là mục đích, mục tiêu và tập trung là phương tiện, phương thức, điều kiện.

Tập trung phải hướng đích tới dân chủ, vì dân chủ chứ tập trung không biến mình thành cứu cánh. Nguyên tắc quan trọng này của nền dân chủ XHCN phải được cụ thể hóa, quy chế hóa sao cho tập trung trên cơ sở dân chủ và dân chủ không thoát ly tập trung trong chế độ lãnh đạo tập thể, cá nhân phụ trách. Vận hành dân chủ và tập trung dân chủ trong lãnh đạo và quản lý phải luôn luôn làm điều lợi cho dân, tránh điều hại tới dân, “không làm điều gì trái ý dân”. Những điểm nhấn mạnh của Người về bộ máy và con người, về phương thức hoạt động trong lãnh đạo, quản lý vừa là *trọng dân* lại vừa *trọng pháp, trọng đức*, quy tụ vào những phương châm có giá trị và ý nghĩa: “dĩ công vi thượng”, “quang minh chính đại”, “phụng công thủ pháp” lại “tinh thành đoàn kết”, v.v.. Đó là một vài điểm cốt yếu trong khái luận về dân chủ, nhìn từ lịch sử nhân loại đến thực tiễn Việt Nam, làm cơ sở giúp chúng ta nhận thức về dân chủ XHCN và đánh giá việc thực hiện dân chủ ở Việt Nam trong đổi mới.

(Còn nữa)

¹ Hoàng Chí Bảo (chủ biên): *Luận cứ và giải pháp phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở nước ta thời kỳ đổi mới*, Nxb. CTQG, H., 2010, tr.9-36.

² Ở Hồ Chí Minh ta thấy nổi bật 5 thực hành lớn, thực hành lý luận trong thực tiễn, thực hành dân chủ, thực hành dân vận, thực hành đoàn kết và thực hành đạo đức cách mạng. (Xem: Hoàng Chí Bảo, *Tìm hiểu phương pháp Hồ Chí Minh*, Nxb. Lý luận chính trị, H., 2002).

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (bộ 15 tập), Nxb. CTQG, H., 2011, tập 6, tr.232.

^{4, 5} Hồ Chí Minh: *Toàn tập* (bộ 15 tập), Nxb. CTQG, H., 2011, tập 5, tr.175; tr.75.